

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 86/2020/DS-PT

Ngày: 30/6/2020

V/v: Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Kha

Các thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Bà Đặng Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trương Thanh Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2020; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 83/2020/TB-PT ngày 27/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Út C, sinh năm 1975 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là: Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1987 (Theo giấy ủy quyền ngày 04/5/2019) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Khu phố A, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ hiện nay: 512 khu phố Minh Phú, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Kh, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ: Luật sư Dương Tấn L - Văn phòng Luật sư Dương Tấn L thuộc đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. NLC1, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện A, Kiên Giang.

2. NLC2, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

3. NLC3 - sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố S, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4. NLC4 - sinh năm 1966 (Vắng mặt).

5. NLC5 - sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Kh, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

6. NLC6 - sinh năm 1990 (Vắng mặt).

7. NLC7 - sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

8. NLC8 - sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Xẻo Đước 2, xã Hưng Yên, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lê Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Út C và người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Kim S trình bày: Vào ngày 19/02/2016 ông Lê Út C và ông Lê Văn Đ có hùn hạp làm ăn với nhau là nuôi tôm, trong quá trình làm ăn với nhau ông C có cho ông Lê Văn Đ mượn số tiền 155.000.000 đồng, hai bên không có làm giấy nhận nợ nhưng thỏa thuận là sau khi thu hoạch tôm thì ông Đ sẽ trả tiền cho ông C và không tính lãi suất gì.

Sau khi thu hoạch tôm xong ông C và ông Đ ngồi lại tính toán chi phí với nhau về việc hùn hạp làm ăn nhưng ông Đ chưa trả cho ông C số tiền mượn trước đây là 155.000.000 đồng. Do đó, vào ngày 08/9/2017 ông Đ có ký giấy tay nhận nợ là ông Đ còn thiếu ông C số tiền là 155.000.000 đồng và thỏa thuận thời hạn 90 ngày sẽ trả dứt hết nợ trên cho ông. Biên nhận do anh Nguyễn Quang T viết dùm và ông, ông Đ ký tên. Khi đến thời hạn trả nợ thì ông Đ không có trả cho ông C nên ông C yêu cầu ông Đ trả nhiều lần nhưng ông Đ vẫn không trả và tuyên bố không trả nợ cho ông C.

Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Đ phải trả cho ông số tiền còn thiếu là 155.000.000đ (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng) và tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 08/9/2017 cho đến ngày giải quyết xong vụ kiện.

Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Vào khoảng năm 2015 ông và ông Lê Út C có hùn nhau nuôi tôm ở Xếp ba tàu là đất mượn để nuôi tôm, nuôi được hai vụ thì trả đất. Tiếp đến năm 2016 ông và ông C mới về đất nhà ông để đào vuông nuôi tôm diện tích khoảng 03 hécta (30 công) nên ông C chịu trách nhiệm mua máy móc thiết bị, còn ông đưa cho ông C 153.000.000 đồng để mua tôm giống và các vật tư khác. Khi ông đưa tiền cho ông C không có làm giấy tờ nhận tiền nhưng có ông Khởi, ông Ng biết và chứng kiến việc ông đưa tiền cho ông C.

Sau đó, nuôi được 03 vụ tôm đến khi bán thì ông C bán tôm xong không tính toán với ông mà giữ tiền hết và đi luôn. Khoảng 02 tháng sau là ngày 08/9/2017 ông C điện thoại cho ông đi ra R để tính tiền, khi ông ra R gặp ông C thì bất ngờ ông C nói với ông là nghỉ hùn nuôi tôm, ông mới nói với ông C còn tiền bán tôm và tiền mua thức ăn thiếu người ta thì tính sao. Ông C nói phần đó chú khởi lo, để phần đó con trả cứ tính tổng cộng ra mua sắm tài sản chi phí các vụ nuôi lời lỗ bao nhiêu thì tôi và ông C ngồi lại tính các thứ đào ao mua sắm phương tiện, chi phí cho 03 vụ tôm và các chi phí khác nhưng không có ghi sổ sách mà nói miệng nên ông không nhớ rõ gồm những khoản nào. Về chi phí tài sản mà ông C mua là 155.000.000 đồng nên ông C buộc ông phải nhận tài sản và ông có ký biên nhận nợ cho ông C là 155.000.000 đồng.

Đối với phần tiền mua thức ăn của cô Q là ông C nhận trả hết nhưng ông không biết nợ cô Q bao nhiêu. Ông ký biên nhận nợ với ông C xong nhưng sau đó cô Q bán thức ăn không đồng ý cho ông C trả và cô Q buộc ông phải chia đôi khoản nợ với ông C và phần ông phải trả ra cho cô Q là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Ông đã trả cho cô Q được 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), còn nợ đến nay là 102.000.000đ (một trăm lẻ hai triệu đồng). Nhưng sau khi thỏa thuận lại với cô Q và ông C thì ông quên không kêu ông C đưa lại biên nhận nợ mà ông ký là 155.000.000 đồng, nay căn cứ vào biên nhận nêu trên mà ông C kiện ông chứ thật ra ông không có nợ ông C bất kỳ khoản tiền nào. Ngoài ra, khi ông C ở nuôi tôm với ông có mượn nợ bà con hàng xóm số tiền là 35.500.000 đồng nên ông đã trả xong.

Nay ông không đồng ý trả cho Cường số tiền 155.000.000đ (một trăm năm mươi lăm triệu đồng) như ông C khởi kiện vì ông không có thiếu nợ C. Đồng thời, ông thừa nhận chữ ký tên và chữ viết họ tên trong biên nhận mà ông C cung cấp cho Tòa án là chữ ký tên và chữ viết họ tên của ông.

Người làm chứng:

1. *NLC3 trình bày:* Tôi xác định giấy nhận nợ ngày 08/9/2017 là chữ viết của tôi, do ông C và ông Đ nhờ tôi viết dùm. Sau khi viết xong giao lại cho ông C và ông Đ nên hai ông ký tên, ghi họ tên vào giấy nhận nợ. Nội dung là ông Đ có nợ ông C là 155.000.000 đồng còn hai bên giao tiền như thế nào thì tôi không biết.

2. *NLC4, NLC6, NLC7, NLC5 trình bày:* Chúng tôi chỉ biết ông Đ và ông C có cùng nhau nuôi tôm còn việc làm ăn nuôi tôm giữa ông Đ và ông C như thế nào

thì chúng tôi không biết. Đồng thời, số tiền mà ông C khởi kiện ông Đ 155.000.000 đồng thì chúng tôi cũng không biết.

3. *Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2019 NLC8 trình bày:* Năm 2016 thì ông C, ông Đ, ông Ng cùng hùn nuôi tôm, sau đó ông Ng rút ra chỉ còn ông Đ, ông C nuôi hai vụ 2017. Khi ông Đ, ông C, ông Ng không còn nuôi tôm chung có tính với nhau là ông C, ông Ng thiếu ông Đ 150.000.000 đồng, còn ông C khởi kiện ông Đ 155.000.000 đồng thì ông không biết.

4. *Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2020 NLC2 trình bày:* Trước đây ông C và ông Đ có hùn nhau nuôi tôm nên mua thức ăn tại cửa hàng của bà. Ông Đ là người đứng ra mua thức ăn thiếu tiền. Tổng số tiền ông C, ông Đ thiếu tiền tôi 234.000.000 đồng. Sau đó ông Đ và ông C không còn nuôi tôm chung nữa thì chỉ một mình ông Đ nuôi tôm, ông Đ tiếp tục mua thức ăn, thiếu tiền ở cửa hàng bà. Số tiền ông Đ thiếu bà nhiều hơn ông C. Bà đã khởi kiện ông Đ ra Tòa án nhân dân huyện G và Tòa án đã xử có bản án rồi. Từ khi Tòa án xử có bản án đến nay ông Đ chưa trả tiền cho bà. Ông C cũng chưa trả tiền cho bà. Đối với số tiền ông Đ nợ ông C như thế nào bà không biết. Ngày ông C và ông Đ hẹn nhau ở R thì bà có mặt để đòi tiền nhưng ông C, ông Đ không ai chịu nhận trả số tiền còn thiếu cho bà nên bà yêu cầu chia đôi số tiền mỗi người trả một nửa. Sau đó bà có yêu cầu ông C, ông Đ ký nhận nợ cho bà. Ông C còn xin bà một tờ giấy để ghi giấy nợ gì đó thì bà không biết, lúc ông C và ông Đ tính toán nợ với nhau thì bà đã đi về. Ngày hôm đó gồm có 04 người, bà, ông C, ông Đ và một người khác nữa bà không biết tên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Út C đối với ông Lê Văn Đ.

Buộc ông Lê Văn Đ phải trả cho ông Lê Út C số tiền là 188.449.000đ (một trăm tám mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/11/2019 ông Đ có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Út C.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn, đại diện của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang căn cứ hồ sơ trong vụ án để xét xử vụ án theo đúng quy định pháp luật, buộc ông Lê Văn Đ phải trả lại cho nguyên đơn số tiền đã mượn 155.000.000 đồng tại biên nhận nợ viết tay ngày 08/9/2017 một lần là dứt nợ, cùng lãi suất theo quy định pháp luật số tiền trên kể từ ngày 08/9/2017 cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

Phía bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Út C, xem xét về phần lãi suất theo quy định pháp luật.

Luật sư Lộc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ tranh luận cho rằng: Ông C cho ông Đ mượn số tiền 155.000.000 đồng là không đúng, vì tại biên bản lấy lời khai của ông Khởi (bút lục 31) trình bày khi ông Đ, ông C, ông Ng không còn nuôi tôm chung nữa nên ông Đ, ông C và ông Ng có làm tính với nhau là ông C và ông Ng còn thiếu ông Đ 150.000.000 đồng. Do đó, không có tiền cho ông Đ mượn hay vay. Giấy nhận nợ thể hiện số tiền vay và giấy bàn giao tài sản xảy ra cùng ngày nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đối chất với nhau giấy nhận nợ, giấy bàn giao tài sản. Tiền thuê nhân công ông C không có tiền trả. Khi ông C ở nuôi tôm với ông Đ, ông C có mượn nợ bà con hàng xóm số tiền là 35.500.000 đồng. Hiện nay ông Đ đã trả nợ thay cho ông C số tiền 35.500.000 đồng. Nên ông C không có tiền cho ông Đ mượn. Ngoài ra, tiền bán tôm ông C cũng không chia cho ông Đ. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất là không đúng, hùn hạp làm ăn mà tính lãi là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015 ông Đ có nghĩa vụ trả nợ cho ông C là hoàn toàn có căn cứ. Về phần lãi suất cấp sơ thẩm tính thời điểm hai bên ký giấy nhận nợ, nhưng chưa xem xét về thời hạn trả nợ mà hai bên đã thỏa thuận (tức sau 03 tháng kể từ ngày 08/9/2017 mới tính lãi). Để đảm bảo quyền lợi cho phía bị đơn nên xem xét lại thời hạn tính lãi suất theo quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Đ, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Út C và người đại diện theo quyền bà Nguyễn Thị Kim S không có đơn kháng cáo nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của ông Đ. Hội đồng xét xử xét các bên đều thừa nhận khoảng 2/2016 ông C, ông Đ, ông Ng có hùn vốn nuôi tôm. Theo ông C cho rằng trong quá trình làm ăn với nhau ông cho ông Đ mượn số tiền 155.000.000 đồng, hai bên không làm giấy tờ gì, thỏa thuận sau khi thu hoạch tôm thì ông Đ sẽ trả tiền mượn cho ông C, sau khi thu hoạch tôm ông và ông Đ ngồi tính toán chi phí với nhau nhưng ông Đ chưa trả cho ông C số tiền 155.000.000 đồng nên ngày 03/9/2017 ông Đ ký giấy tay nhận nợ và thỏa thuận 90 ngày sẽ trả hết số tiền trên nhưng hết thời hạn trên ông Đ không trả cho ông, mặc dù ông đã yêu cầu nhiều lần. Theo ông Đ cho rằng trong quá trình làm ăn với nhau ông có đưa trước phần ông là số tiền 153.000.000

đồng cho ông C, hai bên không làm biên nhận, có ông Khởi và ông Ng biết, chứng kiến việc ông giao tiền, phần còn lại ông C chịu cho đến khi hoàn thành việc thả tôm nuôi, còn ông Ng là lính ông C chịu trách nhiệm nuôi chứ không bỏ khoản tiền nào, sau 03 vụ nuôi tôm thì sổ sách thu chi ông C giữ, tiền bán tôm 02 vụ trước ông C giữ, đến khi thu hoạch vụ thứ 3 ông C đưa lái về mua hết toàn bộ tôm rồi đi luôn mà không trở về thanh toán. Khoảng 02 tháng sau ông C điện thoại hẹn ông ra R tính tiền, ông C nói 03 vụ tổng chi phí ông còn nợ ông C số tiền 155.000.000 đồng và yêu cầu ông ký biên nhận nợ, còn phần thức ăn của bà Quế thì ông C trả. Sau khi ông ký biên nhận cho ông C thì bà Quế không đồng ý để ông C trả tiền mua thiếu thức ăn mà buộc ông chia đôi khoản nợ và phần ông trả cho bà Quế là 120.000.000 đồng, ông đã trả được 18.000.000 đồng, hiện nay còn nợ bà Quế 102.000.000 đồng. Ngoài ra ông còn trả nợ thay cho ông C số tiền nợ những người khác là 35.500.000 đồng. Tổng cộng bằng số tiền ông đã nhận nợ ông C nên ông C đồng ý viết giấy bàn giao tài sản cho ông Đ sử dụng. Sau khi thỏa thuận lại với bà Quế thì ông quên không yêu cầu ông C đưa lại biên nhận nợ cho ông. Do đó ông không mượn số tiền trên của ông C. Căn cứ lời khai của ông Khởi, bà Quế trình bày việc ông C khởi kiện ông Đ 155.000.000 đồng thì ông, bà không biết. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, cũng như tại giai đoạn xét xử phúc thẩm hôm nay, ông Đ thừa nhận chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 08/09/2017 đối với số tiền 155.000.000 đồng tại bút lục 39 là của chữ ký của ông, còn chữ viết trong giấy nhận nợ là của NLC3, việc này cũng được ông Tân xác nhận là đúng (bút lục 52). Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía ông Đ không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho rằng ông không nợ số tiền trên của ông C. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông Đ trả cho ông C số tiền gốc 155.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét về tiền lãi, căn cứ giấy nhận nợ (bút lục 39) hai bên đã thỏa thuận thời hạn trả nợ là 90 ngày kể từ ngày làm giấy nhận nợ ngày 08/9/2017. Như vậy sau thời hạn 90 ngày (tức là sau 03 tháng) kể từ ngày 08/9/2017 nếu ông Đ không trả số tiền gốc 155.000.000 đồng cho ông C mới tính lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C về lãi suất tính từ ngày 08/12/2017 đến ngày xét xử là 08/11/2019 là 23 tháng. Cụ thể như sau:

Đối chiếu quy định trên thì lãi suất cho phép là 10%/năm: 12 tháng = 0,83%/tháng: $(155.000.000đ \times 0,83\%/tháng) \times 23 \text{ tháng} = 29.589.500 \text{ đồng}$. Tổng tiền gốc và lãi là: $155.000.000đ + 29.589.500 \text{ đồng} = 184.589.500 \text{ đồng}$.

Do đó, buộc ông Lê Văn Đ phải trả số tiền gốc và lãi cho ông Lê Út C là 184.589.500 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng).

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện tính lãi suất của ông C đối với số tiền gốc 155.000.000 đồng từ ngày 08/9/2017 đến ngày 08/12/2017 không được Hội đồng xét xử chấp nhận, thì ông C phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận, cụ thể như sau: $(155.000.000đ \times 0,83\%/tháng) \times 3 \text{ tháng} = 3.859.500 \text{ đồng} \times 5\% = 192.975 \text{ đồng}$ (Một trăm chín mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng).

Do Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Đ về tiền lãi nên án phí dân sự sơ thẩm của ông Đ cũng được điều chỉnh lại như sau:

184.589.500 đồng x 5% = 9.229.475 đồng. Vì vậy, ông Lê Văn Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.229.475đ (Chín triệu hai trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi năm đồng).

Từ những nhận định nêu trên nên trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Lê Văn Đ và một phần quan điểm tranh luận của Luật sư Dương Tấn L, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang và sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn Đ không phải nộp 300.000 đồng do nội dung kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 466, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Lê Văn Đ.
- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Út C đối với ông Lê Văn Đ.

Buộc ông Lê Văn Đ phải trả cho ông Lê Út C số tiền gốc và lãi là 184.589.500 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Út C đối với số tiền lãi 3.859.500 đồng (Ba triệu tám trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông C phải chịu tiền án phí là 192.975 đồng (Một trăm chín mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008694 ngày 08/10/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Hoàn trả

lại cho ông Lê Út C số tiền tạm ứng án phí 3.607.025 đồng (Ba triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn không trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0008694 ngày 08/10/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Lê Văn Đ phải nộp án phí có giá ngạch là 9.229.475đ (Chín triệu hai trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi năm đồng).

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Hoàn trả cho ông Lê Văn Đ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0005800 ngày 21/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện G;
- THA dân sự huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Bá Kha

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán Thẩm phán Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Quang Tấn Đặng Thị Bích Vân Trần Bá Kha